



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016836 ngày 17/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 19/5/2008.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư thực tế đến 31/12/2009: 80.000.000.000 đồng.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 426/QĐ-SGDHN ngày 27/07/2009 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội “Về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội”. Ngày giao dịch chính thức là 11/8/2009 với mã chứng khoán EID.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 04.5123939
- Fax: (84) 04.5122639

Ngành nghề kinh doanh chính

- Phát hành xuất bản phẩm, in và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồ dùng phục vụ cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.

Nhân sự

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 88 người. Trong đó, nhân viên quản lý 15 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/4/2008
• Ông Vũ Bá Khánh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007
• Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007
• Bà Trần Phương Dung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007
• Ông Phạm Văn Tại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007

Ban kiểm soát

• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007
• Ông Đào Hữu Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007
• Ông Vũ Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10/05/2007

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Vũ Bá Khánh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/08/2007
• Bà Trần Thị Như Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2007
• Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2007
• Bà Dương Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/05/2007

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Vũ Bá Khánh

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.5113.655.886; Fax: 84.5113.655887
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.83.910.2235; Fax: 84.83.910.2349

Số: 27/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Thu Hiền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.488.920.264	107.494.446.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.336.150.924	11.530.934.729
1 Tiền	111	5	5.336.150.924	11.530.934.729
2 Các khoản tương đương tiền	112	6	18.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	4.830.390.000	871.090.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		5.145.883.750	2.185.410.000
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư NH	129		(315.493.750)	(1.314.320.000)
III. Phải thu ngắn hạn	130		34.871.539.467	32.379.231.541
1 Phải thu khách hàng	131		29.983.146.198	25.369.927.677
2 Trả trước cho người bán	132		3.399.597.823	6.562.415.669
3 Các khoản phải thu khác	135	8	1.488.795.446	446.888.195
IV. Hàng tồn kho	140		129.417.299.520	58.610.115.030
1 Hàng tồn kho	141	9	133.455.608.647	59.179.627.801
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.038.309.127)	(569.512.771)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.033.540.353	4.103.075.085
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.696.695.171	3.674.859.777
2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	11	39.033.182	276.908
3 Tài sản ngắn hạn khác	158	12	297.812.000	427.938.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.047.608.031	2.361.705.822
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.154.859.607	1.791.705.822
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.154.859.607	1.773.404.004
- Nguyên giá	222		3.241.861.492	2.325.487.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.087.001.885)	(552.083.363)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	18.301.818
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Đầu tư dài hạn khác	260		892.748.424	570.000.000
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	892.748.424	570.000.000
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202.536.528.295	109.856.152.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.062.752.481	18.044.703.568
I. Nợ ngắn hạn	310		99.062.752.481	18.044.703.568
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	15	18.136.810.670	-
2 Phải trả người bán	312		73.802.895.213	10.736.348.915
3 Người mua trả tiền trước	313		316.634.287	1.181.143.908
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	5.178.451.353	937.557.833
5 Phải trả người lao động	315		1.417.803.132	2.134.998.505
6 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	210.157.826	3.054.654.407
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN	400		103.473.775.814	91.811.448.639
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		100.896.781.334	89.320.090.695
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	80.000.000.000	80.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	417	18	3.622.612.563	2.832.559.350
3 Quỹ Dự phòng tài chính	418	18	5.793.140.556	3.623.132.954
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	18	4.281.028.215	2.864.398.391
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	7.200.000.000	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.576.994.480	2.491.357.944
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	18	2.576.994.480	2.491.357.944
2 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.536.528.295	109.856.152.207

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Vũ Bá Khánh

Dương Thị Việt Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	205.723.841.417	220.249.777.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.924.689.592	1.150.588.295
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	203.799.151.825	219.099.189.085
4. Giá vốn hàng bán	11	20	151.542.738.605	159.556.156.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.256.413.220	59.543.032.347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.914.291.350	1.557.213.828
7. Chi phí tài chính	22	21	2.895.863.093	6.432.052.989
- Trong đó: Lãi vay	23		1.536.172.606	3.354.831.118
8. Chi phí bán hàng	24		15.020.531.582	15.316.041.546
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.882.735.931	9.853.208.622
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.371.573.964	29.498.943.018
11 Thu nhập khác	31		-	540.562.454
12 Chi phí khác	32		-	722.228
13 Lợi nhuận khác	40		-	539.840.226
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	26.371.573.964	30.038.783.244
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	4.671.497.944	7.863.021.268
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.700.076.020	22.175.761.976
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.713	2.772

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Vũ Bá Khánh

Dương Thị Việt Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	197.689.917.476	209.741.889.301
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(177.235.741.261)	(210.312.995.006)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.919.280.083)	(8.643.049.950)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.536.172.606)	(3.354.831.118)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(580.045.091)	(8.851.532.412)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.278.143.008	5.825.784.808
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.646.129.920)	(8.220.324.951)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.050.691.523	(23.815.059.328)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(962.623.434)	(326.014.085)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.397.319.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	5.530.510.902	40.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.003.335.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.432.767.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.527.145.534	1.528.997.901
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.302.285.998)	42.632.415.816
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	89.525.172.194	40.742.049.569
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71.388.361.524)	(40.742.049.569)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.080.000.000)	(19.789.927.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.056.810.670	(19.789.927.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.805.216.195	(972.570.512)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.530.934.729	12.503.505.241
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.336.150.924	11.530.934.729

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Vũ Bá Khánh

Dương Thị Việt Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016836 ngày 17/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 19/5/2008.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Phát hành xuất bản phẩm, in và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

4.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11. Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - Đối với hoạt động bán lịch các loại và văn phòng phẩm: áp dụng thuế suất là 10%
 - Đối với hoạt động bán sách tham khảo và thiết bị giáo dục: áp dụng thuế suất là 5%
 - Đối với hoạt động bán sách giáo khoa và sách tham khảo bán kèm sách giáo khoa: thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	861.695.738	367.052.639
Tiền gửi ngân hàng	4.474.455.186	11.163.882.090
Cộng	5.336.150.924	11.530.934.729

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	18.000.000.000	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	18.000.000.000	-

7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	5.145.883.750	2.185.410.000
+ Các cổ phiếu đã niêm yết	1.395.883.750	1.735.410.000
+ Các cổ phiếu chưa niêm yết	3.750.000.000	450.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	(315.493.750)	(1.314.320.000)
Cộng	4.830.390.000	871.090.000

(*) Tại ngày 31/12/2009 Công ty đang nắm giữ 06 mã chứng khoán đã niêm yết và 2 mã chứng khoán chưa niêm yết cụ thể:

- Các mã chứng khoán đã niêm yết gồm: 10.000 cổ phiếu VCB, 2.250 cổ phiếu SJS, 10.000 cổ phiếu STB, 4.000 cổ phiếu SAM, 100 cổ phiếu STL và 2.000 cổ phiếu DBC.
- Các mã chứng khoán chưa niêm yết gồm: 75.000 cổ phiếu Công ty Dịch vụ Phát triển Xuất bản Hà Nội (HEPS) và 300.000 cổ phiếu Cty CP Sách TBTH Hà Tây.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

- + Cổ phiếu đã niêm yết được trích lập căn cứ vào:
 - Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ
 - Chênh lệch giữa thị giá tại ngày 31/12/2009 và giá gốc các chứng khoán đã đầu tư:
 - Thị giá các cổ phiếu đã niêm yết tại sàn HOSE là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009;
 - Thị giá các cổ phiếu đã niêm yết tại sàn HNX là giá bình quân của tại ngày 31/12/2009.
- + Cổ phiếu chưa niêm yết: cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức, lợi nhuận chính thức của năm 2009 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu phần lãi dự thu	87.682.796	-
Phải thu khác (tạm ứng bên ngoài: tiền đi thuê kho...)	1.401.112.650	446.888.195
Cộng	1.488.795.446	446.888.195

9. Hàng tồn kho

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.438.986.480	28.579.057.073
Chi phí SX, KD dở dang	11.645.097.943	14.908.906.842
Thành phẩm	15.006.902.185	8.341.317.826
Hàng hóa	3.267.126.419	2.636.780.012
Hàng gửi đi bán	6.097.495.620	4.713.566.048
Cộng giá gốc hàng tồn kho	133.455.608.647	59.179.627.801

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ tương ứng hàng tồn kho	6.696.695.171	3.674.859.777
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	-
Cộng	6.696.695.171	3.674.859.777

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế TNDN nộp thừa		
Thuế thu nhập cá nhân vãng lai nộp thừa	39.033.182	276.908
Cộng	39.033.182	276.908

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	297.812.000	427.938.400
Tài sản thiếu chờ xử lý		-
Cộng	297.812.000	427.938.400

13. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.954.263.039	371.224.328	2.325.487.367
Mua sắm trong năm	838.353.714	78.020.411	916.374.125
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.792.616.753	449.244.739	3.241.861.492
Khấu hao			
Số đầu năm	420.400.747	131.682.616	552.083.363
Khấu hao trong năm	379.031.756	155.886.766	534.918.522
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	799.432.503	287.569.382	1.087.001.885
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.533.862.292	239.541.712	1.773.404.004
Số cuối năm	1.993.184.250	161.675.357	2.154.859.607

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2009 là 0 đồng

14. Chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí sửa chữa cửa hàng 32 E Kim Mã	72.000.000	288.000.000
Chi phí sửa chữa cửa hàng 67 B Cửa Bắc	360.145.436	282.000.000
Chi phí sửa chữa nhà Nguyễn Khánh Toàn	460.602.988	
Cộng	892.748.424	570.000.000

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	18.136.810.670	-
- Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam	18.136.810.670	
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	18.136.810.670	-

Vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương, hợp đồng vay số 01/HĐTD ngày 10/3/2009, hợp đồng có hạn mức 50.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ tại thời điểm nhận nợ, lãi suất quá hạn: 50% lãi suất cho vay.

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	436.450.827	144.127.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.671.497.944	580.045.091
Thuế thu nhập cá nhân	70.502.582	213.384.933
Cộng	5.178.451.353	937.557.833

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	-	65.901.282
Bảo hiểm xã hội	2.417.327	-
Bảo hiểm y tế	496.426	255.110
Cổ tức phải trả		2.880.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.244.073	108.498.015
Cộng	210.157.826	3.054.654.407

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	80.000.000.000	-	702.778.378	481.643.813	11.385.009.723
Tăng trong năm		2.832.559.350	2.920.354.576	2.920.354.576	22.175.761.976
Giảm trong năm				537.599.998	33.560.771.699
Số dư tại 31/12/2008	80.000.000.000	2.832.559.350	3.623.132.954	2.864.398.391	-
Số dư tại 01/01/2009	80.000.000.000	2.832.559.350	3.623.132.954	2.864.398.391	-
Tăng trong năm	-	790.053.213	2.170.007.602	2.170.007.602	21.700.076.020
Giảm trong năm	-		-	753.377.778	14.500.076.020
Số dư tại 31/12/2009	80.000.000.000	3.622.612.563	5.793.140.556	4.281.028.215	7.200.000.000

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nhà xuất bản Giáo dục	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

c. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 Cổ phiếu	31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (Đvt: đồng)	10.000	10.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	11.385.009.723
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.700.076.020	22.175.761.976
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	14.500.076.020	33.560.771.699
Các khoản giảm lợi nhuận của năm trước còn lại	-	11.385.009.723
- Trích quỹ dự phòng tài chính		702.778.378
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		702.778.378
- Trích quỹ đầu tư phát triển		1.709.525.967
- Trả cổ tức		8.269.927.000
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay	14.500.076.020	22.175.761.976
- Trích quỹ dự phòng tài chính	2.170.007.602	2.217.576.198
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.085.003.801	1.108.788.099
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.170.007.603	2.217.576.197
- Trích quỹ điều hành của HĐQT, BKS	1.085.003.801	1.108.788.099
- Trích quỹ đầu tư phát triển	790.053.213	1.123.033.383
- Trả cổ tức	7.200.000.000	14.400.000.000
+ Cổ tức đã trả	7.200.000.000	11.520.000.000
+ Cổ tức chưa trả		2.880.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.200.000.000	-

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng doanh thu	205.723.841.417	220.249.777.380
+ Doanh thu bán hàng	205.723.841.417	220.249.777.380
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.924.689.592	1.150.588.295
+ Giảm giá hàng bán		2.212.049
+ Hàng bán bị trả lại	1.924.689.592	1.148.376.246
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	203.799.151.825	219.099.189.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng hóa	151.542.738.605	159.556.156.738
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Cộng	151.542.738.605	159.556.156.738

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.527.145.534	1.528.997.901
Lãi dự thu	87.682.796	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	299.463.020	28.215.927
Cộng	1.914.291.350	1.557.213.828

22. Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	1.536.172.606	3.354.831.118
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.125.990.911	583.548.871
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.232.526.826	1.179.353.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(998.827.250)	1.314.320.000
Cộng	2.895.863.093	6.432.052.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.371.573.964	30.038.783.244
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	322.700.000	320.372.228
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>322.700.000</i>	<i>320.372.228</i>
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Tổng thu nhập chịu thuế	26.694.273.964	30.359.155.472
Mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	6.673.568.491	8.500.563.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)	2.002.070.547	637.542.264
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.671.497.944	7.863.021.268
Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.700.076.020	22.175.761.976

(@) Theo hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 và Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2009.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.700.076.020	22.175.761.976
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	21.700.076.020	22.175.761.976
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.713	2.772

25. Cổ tức

Trong năm, Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ 9%. Ngày 20/7/2009 là ngày chốt danh sách cổ đông.

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009. Theo đó, ngày 27/01/2010 là ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức tỷ lệ 9%. Thời gian thực hiện việc chi trả là ngày 11/02/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Các bên liên quan

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Nhà xuất bản Giáo dục	Công ty đầu tư	Mua nguyên vật liệu	20.993.863.485
		Mua hàng hóa	1.360.586.996
		Mua bán thảo	7.037.332.366
		Bán hàng hóa	414.390.494
		Lãi cho vay	233.254.469

b. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Nhà xuất bản Giáo dục	Công ty đầu tư	Nợ tiền mua hàng	1.043.089.365	
		Phải thu tiền bán hàng		11.048.136

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Vũ Bá Khánh

Dương Thị Việt Hà

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2010